Câu 3. Nghe và chọn

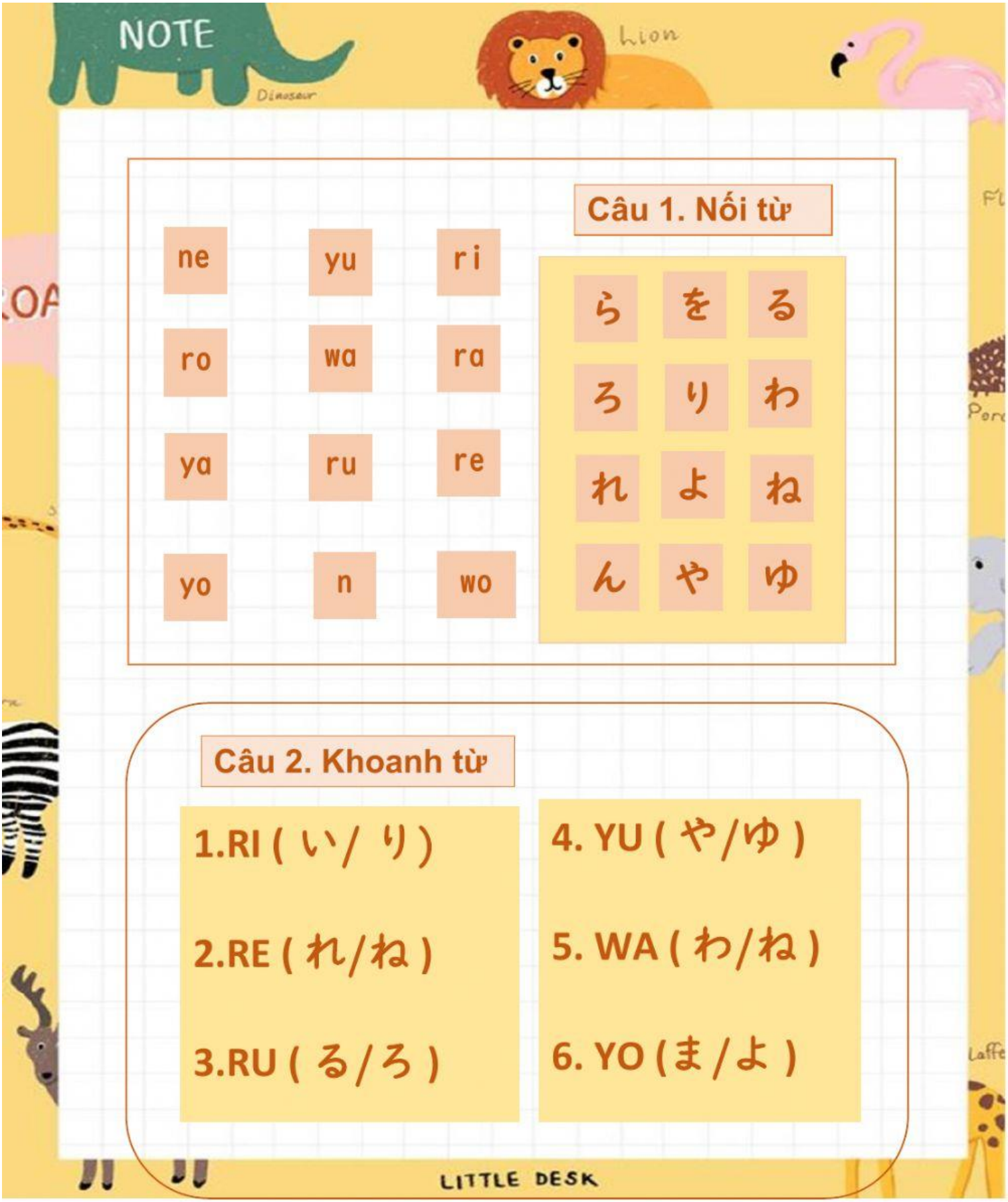
1.	これ	あれ	それ
2.	つくえ	てくえ	つてえ
3.	ふとん	りろん	そして
4.	ふろしき	はらきり	さむらい
5.	さくら	うちわ	まつり

Câu 4. Phiên âm bằng tiếng Việt

1.	へいそつ	
2.	たのしい	
3.	はらきり	
4.	ちかてつ	
5.	ひのまる	

LIVEWORKSHEETS

LIVEWORKSHEETS



LIVEWORKSHEETS